

Bản án số: 30/2021/DS-ST

Ngày 23 – 8 – 2021

“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiển

Bà H Thủy Bon Jốc Ju.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Hường - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Tổng Mạnh Cường, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2020/TLST-DS, ngày 08/10/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS, ngày 14/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2021/QĐST-DS, ngày 14/7/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 155/TB-T ngày 16/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 Láng H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Krông Nô (Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2020) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 02 Tôn Đức T, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Bà Lê Thị M – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Lê Hùng V - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bon N, xã Quảng S, huyện Đắk G`L, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 09/10/2018, ông Lê Hùng V, bà Lê Thị M vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh Đăk Nông số tiền 200.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 5304LAV201803116 ngày 11/10/2018. Thời hạn 03 năm, lãi suất 11%/năm, hạn trả gốc cuối cùng vào ngày 09/10/2021, mục đích vay để phục hồi chăm sóc vườn cà phê, tiêu; Kỳ hạn trả nợ lãi 06 tháng 01 lần, kỳ hạn trả nợ gốc 03 kỳ: kỳ 01 ngày 09/10/2019 trả 10.000.000đ, kỳ 02 trả ngày 09/10/2020 trả 10.000.000đ, kỳ 03 trả ngày 09/10/2021 trả 180.000.000đ.

Đến ngày trả lãi và gốc theo định kỳ, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K đã đôn đốc, làm việc và yêu cầu ông V, bà M trả nợ nhiều lần nhưng ông V, bà M không thực hiện cam kết như hợp đồng đã ký. Tạm tính đến ngày 31/7/2010, ông V, bà M chưa thanh toán được gốc và lãi cho ngân hàng, tổng số tiền là 240.846.667 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 40.846.667 đồng.

Vi vậy, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K yêu cầu bà Lê Thị M, ông Lê Hùng V thanh toán số tiền là 240.846.667đ: trong đó tiền gốc 200.000.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 31/7/2020 là 40.846.667đ và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Lê Hùng V, bà Lê Thị M không thanh toán được nợ, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số 245310983/2018/HĐTC, ngày 10/10/2018 để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

Bị đơn bà Lê Thị M trình bày: Bà M thừa nhận năm 2018, vợ chồng bà có vay của Ngân hàng N – Chi nhánh Krông Nô 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Về thời hạn trả và lãi suất thì bà không nhớ. Khi vay có lập hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật, vợ chồng bà có thể chấp 02 thửa đất tại huyện K nhưng bà không nhớ số lô, số thửa và diện tích, không nhớ ai đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì do gia đình bà có nhiều thửa đất và thế chấp ở nhiều ngân hàng. Nội dung hợp đồng thế chấp bà không nhớ rõ. Quá trình vay, vợ chồng bà chưa trả cho ngân hàng được khoản tiền nào kể cả gốc và lãi. Bà đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa có tiền thanh toán cho ngân hàng. Trường hợp không thanh toán được thì bà đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ. Hiện nay chồng bà là ông Lê Hùng V đã bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu bà không biết và cũng không liên lạc được. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hùng V vắng mặt tại địa phương, Tòa án ban hành Quyết định số 46/2021/QĐ-TA, ngày 04/5/2021 thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo cho ông Lê Hùng V được biết.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu ông V, bà M trả cho ngân hàng số tiền 265.631.806đ, trong đó tiền gốc: 200.000.000đ, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 65.631.806đ (lãi trong hạn là: 64.105.556đ, lãi quá hạn là: 1.526.250đ).

Bị đơn ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, bị đơn bà Lê Thị M, chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn ông Lê Hùng V vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 265.631.806đ, trong đó tiền gốc: 200.000.000đ, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 65.631.806đ (lãi trong hạn là: 64.105.556đ, lãi quá hạn là: 1.526.250đ). Kể từ ngày 24/8/2021 cho đến khi thi hành xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5304LAV201803116 ngày 11/10/2018.

Trường hợp ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 245310983/2018/HĐTC ngày ngày 10/10/2018 thửa đất số 81, 91, 123, 127 tờ bản đồ số 02 diện tích 17.059m², đất tọa lạc tại xã Đắc N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Buộc ông V, bà M phải chịu chi phí tố tụng và án phí Dân sự sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ: 02 giấy ủy quyền, bản sao hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân, biên bản xác định giá trị tài sản, đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định bổ nhiệm cán bộ. Ngoài những tài liệu, chứng cứ trên Nguyên đơn không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng N khởi kiện ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 5304LAV201803116 ngày 11/10/2018. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N chi nhánh Krông Nô, ông Lê

Hùng V và bà Lê Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Phú T, xã Quảng P, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại Biên bản xác minh của Công an xã Quảng P thể hiện, trước đây ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Phú T, xã Quảng P, huyện K, tỉnh Đắk Nông nhưng đến ngày 08/4/2019, ông Lê Hùng V, bà Lê Thị M đã chuyển khẩu về Bon N, xã Quảng S, huyện Đắk G'L, tỉnh Đắk Nông. Kết quả ủy thác thu thập chứng cứ do Tòa án huyện Đắk G'Long thực hiện cho thấy: Hiện nay, bà Lê Thị M đang cư trú tại Bon N, xã Quảng S, huyện Đắk G'L, tỉnh Đắk Nông còn ông Lê Hùng V đã bỏ đi khỏi địa phương, ông không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng, vì vậy bà M và chính quyền địa phương cũng như Ngân hàng không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của ông Lê Hùng V.

Ngày 04/5/2021, Tòa án đã ban hành Quyết định số 46/2020/QĐ-TA về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nội dung Ngân hàng N khởi kiện đối với ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M. Trong Quyết định thể hiện thời hạn giải quyết vụ án, tuy nhiên ông Lê Hùng V vắng mặt tại phiên tòa.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: *“Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.”*

Điều 6:

“2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư*

trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được ông Lê Hùng V là người có nghĩa vụ đối với Ngân hàng, nhưng ông không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, ông thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không thông báo tạm vắng cho chính quyền địa phương, cũng không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng, vì vậy trường hợp này được xem là ông V cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông V theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng (HĐTD) 5304LAV201803116 ngày 11/10/2018, số tiền vay 200.000.000đ, thời hạn 03 năm, lãi suất 11%/năm, hạn trả gốc cuối cùng vào ngày 09/10/2021, mục đích vay để phục hồi chăm sóc vườn cà phê, tiêu; Kỳ hạn trả nợ lãi 06 tháng 01 lần, kỳ hạn trả nợ gốc 03 kỳ: kỳ 01 ngày 09/10/2019 trả 10.000.000 đồng, kỳ 02 trả ngày 09/10/2020 trả 10.000.000 đồng, kỳ 03 trả ngày 09/10/2021 trả 180.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng N và bên vay là ông Lê Hùng V, bà Lê Thị M. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

[2.2.1]. Theo Hợp đồng tín dụng 5304LAV201803116 ngày 11/10/2018 thì ông V, bà M vay số tiền là 200.000.000 đồng với thời hạn vay 36 tháng.

Mặc dù thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 09/10/2021, tuy nhiên tại khoản 4 Điều 5 trong hợp đồng tín dụng 5304LAV201803116 ngày 11/10/2018 thể hiện trường hợp ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trong Hợp đồng thì nguyên đơn có quyền thu hồi nợ trước hạn.

Đến hạn trả nợ định kỳ lần 1 vào ngày 09/10/2019, ông V, bà M không trả nợ gốc và lãi. Do đó, việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, thu toàn bộ số nợ đối với bị đơn là đúng theo nội dung trong Hợp đồng tín dụng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận. Cần buộc ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M phải trả cho Ngân hàng N 200.000.000đ tiền gốc.

[2.2.2]. Căn cứ điều 7 hợp đồng tín dụng 5304LAV201803116 ngày 11/10/2018, xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn, của nguyên đơn đối với bị đơn thể hiện cụ thể tại bảng kê tính lãi được lập ngày 23/8/2021 là 65.631.806đ là có cơ sở, đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 245310983/2018/HĐTC, ngày 10/10/2018, thể hiện ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã Đắc N, huyện K, Tỉnh Đắc Nông thuộc thửa đất số 81, 91, 123, 127 tờ bản đồ số 02 diện tích 17.059m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG111950 UBND huyện K cấp ngày 22/9/2005.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2021 thể hiện: Kết quả kiểm tra thực địa và so sánh với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ giải thửa thì các thửa đất số 81 91, 123, 127 tờ bản đồ số 02 được cấp đúng vị trí, phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, tờ bản đồ, giải thửa.

Tài sản trên đất có: Cà phê, điều nhưng bỏ hoang, không chăm sóc, trong đó có cà phê bị chết nhiều.

Xét thấy việc ông V, bà M thế chấp các quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo cho khoản tiền vay thực hiện theo Hợp đồng tín dụng 5304LAV201803116 ngày 11/10/2018. Vì vậy, trường hợp ông V, bà M không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông V, bà M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 3.000.000đ, do đó cần buộc ông V, bà M phải thanh toán số tiền 3.000.000đ cho nguyên đơn.

[4]. Chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ngân hàng N phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.085.000đ theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ số tiền mà Ngân hàng N đã nộp 5.200.000đ, Tòa án hoàn trả cho Ngân hàng 115.000đ.

[5] Án phí dân sự: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Hùng V, bà Lê Thị M phải chịu án phí DSST là 13.282.000đ (*Mười ba triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng làm tròn số*). Hoàn trả cho Ngân hàng N 6.021.000đ (*Sáu triệu không trăm hai mươi một nghìn đồng*) theo biên lai số 0003096 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 155; Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M phải trả cho Ngân hàng N số tiền là 265.631.806đ (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi một nghìn tám trăm linh sáu đồng*), trong đó tiền gốc: 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 64.105.556đ (*Sáu mươi bốn triệu một trăm linh năm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng*), lãi quá hạn là: 1.526.250đ (*Một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày 24/8/2021 cho đến khi thi hành xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5304LAV201803116 ngày 11/10/2018.

Trường hợp ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 245310983/2018/HĐTC, ngày 10/10/2018 để thu hồi nợ.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc ông V, bà M phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

3. Chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng N phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.085.000đ (*Năm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền mà Ngân hàng N đã nộp 5.200.000đ (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*), Tòa án hoàn trả cho Ngân hàng 115.000đ (*Một trăm mười lăm nghìn đồng*).

4. Án phí dân sự: Buộc ông Lê Hùng V và bà Lê Thị M phải nộp 13.282.000đ (*Mười ba triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*) án phí Dân sự Sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N 6.021.000đ (*Sáu triệu không trăm hai mươi một*

nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003096 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CCTHADS huyện Krông Nô
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tòa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hải Âu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ